

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học: **THỰC HÀNH TIẾNG TÔNG HỢP 1, 2, 3 và 4**
- Mã môn học: NVN034, NVN035, NVN036, NVN037
- Môn học thuộc khối kiến thức: cơ sở ngành, bắt buộc.

2. Số tín chỉ: 12

THTTH 1: 2 tín chỉ lý thuyết + 1 tín chỉ thực hành	= 60 tiết
THTTH 2: 2 tín chỉ lý thuyết + 1 tín chỉ thực hành	= 60 tiết
THTTH 3: 3 tín chỉ lý thuyết	= 45 tiết
THTTH 4: 3 tín chỉ lý thuyết	= 45 tiết
Tổng cộng:	210 tiết

3. Trình độ: dành cho sinh viên năm thứ 1

- 4. Phân bố thời gian:** 210 tiết: - Lý thuyết: 150tiết
- Thực hành: 60tiết

Sinh viên học suốt Học kỳ I, phân bố thành 14 tuần, mỗi tuần 15 tiết (3 buổi), mỗi buổi 5 tiết. Trong số đó có thể dành ra từ 3 đến 5 tiết cho phần trò chơi hoặc xem phim hoạt hình. SV học và thực hành tại lớp.

5. Điều kiện tiên quyết: Đây là môn học dành cho sinh viên năm thứ nhất học ở học kỳ 1.

6.Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Môn THTTH 1 cung cấp kiến thức cơ bản cho các sinh viên hoàn toàn chưa biết tiếng Nga (chiếm đại đa số): SV làm quen với mặt chữ và phát âm đúng các nguyên âm và phụ âm của tiếng Nga. Các môn THTTH 2, 3 và 4 tiếp tục cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngữ pháp liên quan đến các cách số ít của danh từ, đại từ, tính từ; cách chia ở các thời khác nhau của động từ trong tiếng Nga để SV có thể nghe, nói, đọc, viết về các đề tài liên quan đến bản thân, gia đình, nghề nghiệp, việc học tập và giải trí.

7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học

7.1. Mục tiêu:Sinh viên làm quen với hệ thống chữ viết, ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Nga từ cấp độ cơ bản.Sinh viên thực hành được các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết với các chủ đề đơn giản về bản thân, gia đình và môi trường xung quanh, tương ứng với các yêu cầu về kiến thức – kỹ năng ở bậc A1 (khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu).

7.2. Chuẩn đầu ra của môn học:

7.2.1. Kiến thức

- Sinh viên nhận biết (*identify*) các đơn vị ngôn ngữ ở cấp độ cơ bản (nguyên âm và phụ âm) trong tiếng Nga, trọng âm của từ, ngữ điệu của câu (PLO12, PLO13).

- Sinh viên ghi nhớ (*memorize*) 6 cách ở số ít của danh từ, tính từ và đại từ trong tiếng Nga; cách chia của động từ ở thời hiện tại, quá khứ, tương lai đơn và phức; khái niệm và các ý nghĩa cơ bản của thể động từ, khái niệm và cách sử dụng động từ chuyển động không tiền tố (PLO12, PLO13).

7.2.2 Kỹ năng

- Nhận biết được (*sense*) các đặc trưng cơ bản của chữ viết, ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Nga ở cấp độ cơ bản (PLO21).
- Bắt chước (*imitate*), tái tạo (*reproduce*) được các đơn vị ngôn ngữ ở cấp độ đơn giản (PLO21).
- Phản ứng (*react*) và đáp lại (*response*) trong các tình huống ngôn ngữ đơn giản đã được làm quen (PLO22).

7.2.3. Thái độ

Khi kết thúc môn học, sinh viên được mong đợi sẽ:

- Bắt đầu hình thành sự quan tâm và yêu thích đối với nước Nga và văn hóa Nga (*care for*) (PLO21, PLO12).
- Tự nguyện và tích cực tham gia các hoạt động giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ trong các hoạt động trên lớp và ngoại khóa (*participate willingly*) (PLO35).
- Có ý thức tự học tốt (*be aware*) (PLO35, PLO36).

8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá

ST T	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
1	Sinh viên nhận biết (identify) các đơn vị ngôn ngữ ở cấp độ cơ bản (nguyên âm và phụ âm) trong tiếng Nga, trọng âm của từ, ngữ điệu của câu.	<ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu mặt chữ, cách viết, cách phát âm các nguyên âm và phụ âm tiếng Nga; khái niệm về trọng âm của từ, các từ với các vị trí trọng âm khác nhau; cách đọc 5 ngữ điệu và ý nghĩa của chúng. - SV lặp đi lặp lại, được GV rèn chữ, chỉnh âm ở các đơn vị từ đơn giản đến phức tạp: âm, từ đơn âm tiết, từ 2 âm tiết, từ đa âm tiết và đơn vị câu. SV bắt đầu có thể hỏi đáp với nhau để thực tập về phát âm, trọng âm, ngữ điệu và ghi nhớ từ mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ. - Kiểm tra phát âm: đọc từ, câu, đoạn hội thoại ngắn. - Thực hành hội thoại với các chủ đề đơn giản, kiểm tra ngữ điệu. 	PLO12 PLO13		
2	Sinh viên ghi nhớ (memorize) 6 cách ở số ít của danh từ, tính từ và đại từ trong tiếng Nga; cách chia của động từ ở thời hiện tại, quá khứ, tương lai đơn và phức; khái niệm và các ý nghĩa cơ bản của thể động từ, khái niệm và cách sử dụng động từ chuyển động không tiền tố	<ul style="list-style-type: none"> GV thuyết trình và cho SV làm bài tập ngữ pháp gồm các dạng sau: - Tập đổi danh từ ở các cách, đại từ và tính từ ở các giống số ít và số nhiều. - Tập chia động từ ở thời hiện tại theo 2 cách chia, chia đt thời quá khứ và tương lai. - Chọn từ hoặc câu trong phần B sao cho hợp nghĩa với các câu đã cho trong phần A. - Làm bài tập thay thế: thay thế các thành phần trong câu 	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập về nhà, bài tập thực hành trên lớp. - Kiểm tra viết giữa kỳ và cuối kỳ. - Kiểm tra đầu giờ: viết và đọc. 	PLO12 PLO13		

		<p>mẫu bằng từ hoặc cụm từ khác sao cho đúng ngữ pháp.</p> <p>- Sửa câu cho đúng ngữ pháp.</p> <p>- Mô tả tranh.</p> <p>- Dịch Nga – Việt – Nga các mẫu câu đơn giản.</p> <p>- Đọc bài khóa (các mẫu truyện ngắn), trả lời câu hỏi.</p>				
3	Nhận biết được (sense) các đặc trưng cơ bản của chữ viết, ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Nga ở cấp độ cơ bản	<p>Được sự hướng dẫn của GV, cộng với việc thực hành có hệ thống các bài tập và làm quen với cường độ làm việc trên lớp, SV được hy vọng sẽ tăng khả năng tập trung và dễ dàng tiếp thu kiến thức mới.</p>	<p>- Kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ.</p> <p>- Hình thức bài tập: nghe, đọc.</p>		PLO21	
4	Bắt chước (imitate), tái tạo (reproduce) được các đơn vị ngôn ngữ ở cấp độ đơn giản (PLO21).	<p>- GV cho câu mẫu, SV học thuộc lòng, sau đó, đặt câu theo mẫu.</p> <p>-GV cho SV nghe và lặp lại từ, câu hoặc các đoạn hội thoại nhỏ.</p> <p>- GV cho SV nghe và lặp lại các câu được dần dần mở rộng với các thành phần câu khác nhau.</p>	<p>- Kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ</p> <p>- Hình thức: nghe – lặp lại – hoàn thành câu; nghe – viết lại đoạn văn (bài khóa đơn giản)</p>		PLO21	
5	Phản ứng (react) và đáp lại (response) trong các tình huống ngôn ngữ đơn giản đã được làm quen.	<p>Để rèn luyện kỹ năng này, GV chủ yếu hướng dẫn SV thực hiện các loại bài tập giao tiếp sau:</p> <p>- Học thuộc lòng bài hội thoại mẫu, tập nói với nhau cho đúng ngữ điệu.</p> <p>- Làm các bài tương tự dựa trên hội thoại mẫu.</p>	<p>- Kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ.</p> <p>- Thực hành trên lớp.</p> <p>+ Thực hành hội thoại: nhóm 2-3 người với các chủ đề đơn</p>		PLO22	

		<ul style="list-style-type: none"> - Dẫn mở rộng bài hội thoại dựa trên kiến thức cũ và kết hợp với phần ngữ pháp vừa học. - Làm hội thoại theo tình huống đã cho. 	<p>giản.</p> <p>+ Tự giới thiệu về bản thân, gia đình.</p>			
6	Bắt đầu hình thành sự quan tâm và yêu thích đối với nước Nga và văn hóa Nga (care for) (PLO21, PLO12).	Đa số các bài tập trong lớp đều được thực hành theo nhóm 2 người trở lên, hình thức kiểm tra Nói cũng là hình thức hội thoại; vì thế, trong lớp và trong các giờ tự học, SV bắt buộc phải làm việc nhóm với nhau. Ngoài ra, việc tham gia những hoạt động ngoại khóa như Câu lạc bộ tiếng Nga, Liên hoan văn hóa Nga sẽ giúp SV học tốt.	- Thuyết trình trên lớp về các chủ đề văn hóa, danh nhân Nga (tiếng Việt, tiếng Nga)			PLO35
7	Tự nguyện và tích cực tham gia các hoạt động giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ trong các hoạt động trên lớp và ngoại khóa (participate willingly).	SV làm quen với văn hóa Nga qua nội dung bài đọc, truyện kể, các bài hát Nga và các hoạt động ngoại khóa liên quan đến các ngày lễ kỷ niệm của Nga mà SV luôn được khuyến khích tham gia. Mỗi quan tâm và lòng yêu thích đối với văn hóa Nga dần dần hình thành sẽ là một động lực giúp SV học tốt tiếng Nga.	- Tham gia các hoạt động trong và ngoài lớp.			PLO11 PLO12
8	Có ý thức tự học tốt (be aware).	Ở trên lớp, GV chỉ cung cấp kiến thức mới và hướng dẫn SV học tập. Muốn củng cố và rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ, SV buộc phải tự học thêm rất nhiều ở nhà. GV luôn khuyến khích SV tự học theo nhóm, cho bài tập nhóm và kiểm tra trên lớp.	- Kiểm tra trên lớp: từ vựng theo chủ đề.			PLO35 PLO36

***Trò chơi:** Ngoài ra, để lớp được sinh động hơn, sinh viên cũng có thể có những hoạt động vừa học vừa chơi, như:

- Chơi banh: các SV chuyền cho nhau 1 trái banh nhựa. Người chuyền banh nói 1 từ tiếng Việt, người nhận banh phải dịch ngay sang tiếng Nga.
- Trí nhớ tốt: 5 SV được gọi lên bảng, trong 1 thời gian nhất định, ai viết được đúng và nhiều từ nhất sẽ được thưởng.
- Kịch câm: Lớp được chia nhóm, mỗi nhóm cử ra 1 người. Người này có nhiệm vụ dùng động tác miêu tả 1 nghề, nhóm nào đoán đúng sẽ thắng.
- Tam sao thất bản: SV cử ra 2 nhóm, mỗi nhóm từ 8-10 người. Người đầu tiên của mỗi nhóm sẽ nhận được cùng lúc tờ giấy ghi 1 câu bằng tiếng Nga. Hai bên sẽ được dành cho 1 khoảng thời gian như nhau để ghi nhớ câu này. GV thu lại giấy và người đầu tiên sẽ nói lại câu này cho người bên cạnh, cứ thế cho đến người cuối cùng trong nhóm. Nhóm nào có câu cuối cùng chính xác nhất sẽ thắng.
- Xem phim hoạt hình.
- Tập hát: SV tập hát các bài hát Nga phổ biến, có cấu trúc câu vừa học, hoặc có giai điệu tươi vui.

9. Tài liệu phục vụ môn học:

Sách và giáo trình chính:

1. *Дорога в Россию – Учебник русского языка (элементарный уровень) I*, В.У. Антонова, М.М. Нахабина, А.А. Толстых, , Изд. Златоуст, Санкт-Петербург, 2006.
2. *Русский язык в упражнениях*, С. А. Хавронина, А. И. Широценская. Прогресс, 1968

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

10.1. Thời điểm và hình thức đánh giá:

	Thời điểm đánh giá	Hình thức đánh giá	Loại điểm	% kết quả sau cùng
THTTH 1	- Tuần 4, sau bài 5	- Thi trắc nghiệm - Kiểm tra phát âm	Điểm giữa HP1	30%
			Điểm cuối HP1 (bài thi: 60%; chuyên cần và tích cực hoạt động: 10%)	70%
				100%
THTTH 2	- Tuần 8, sau bài 9 - Tuần 12, sau bài 12	- Thi viết - Thi viết	Điểm giữa HP2	30%
			Điểm cuối HP2 (bài thi: 60%; chuyên	70%

			cần và tích cực hoạt động: 10%)	
				100%
THTTH 3	- Cuối HKI - Buổi học cuối của tuần 14	- Thi Nghe - Thi Nói	Điểm giữa HP3	30%
			Điểm cuối HP3 (bài thi: 60%; chuyên cần và tích cực hoạt động: 10%)	70%
				100%
THTTH 4	- Cuối HK - Cuối HK	- Thi trắc nghiệm và Đọc hiểu - Thi Viết	Điểm giữa HP4	30%
			Điểm cuối HP4 (bài thi: 60%; chuyên cần và tích cực hoạt động: 10%)	70%
				100%

Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

10.2. Xếp loại đánh giá:

10.2.1. Hình thức thi viết: Giáo viên chấm theo thang điểm quy định cụ thể ở mỗi bài.

10.2.2. Kiểm tra phát âm: SV đọc 1 bài khóa và một bài hội thoại. SV được cho là đạt yêu cầu khi nhận được mặt chữ, không nhầm lẫn giữa tiếng Nga với tiếng Việt (viết giống nhau, đọc khác nhau), đọc lưu loát, đúng trọng âm và ngữ điệu, đặc biệt đọc đúng *o, a* không trọng âm và các phụ âm rít trong tiếng Nga.

10.2.3. Hình thức thi nói:

- Kết quả dưới 5 điểm: SV không học bài, hoặc có học nhưng khả năng thực hành ngôn ngữ quá kém: bài hội thoại không tốt, phát âm sai nhiều, ngữ điệu không đúng, bài kể có quá nhiều lỗi ngữ pháp, nghe không được câu hỏi của GV.

- Kết quả từ 5-6 điểm: SV có học bài, nhưng còn có một số trong các nhược điểm sau: bài kể còn sơ sài, còn nhiều lỗi phát âm, trọng âm và ngữ pháp, phản xạ chậm, chưa trả lời đúng và đầy đủ các câu hỏi của GV.

- Kết quả từ 6-7 điểm: SV chuẩn bị bài thi khá tốt, nội dung bài kể khá đầy đủ, thực hành các kỹ năng ngôn ngữ ở mức độ trung bình khá.

- Kết quả từ 7-8 điểm: SV chuẩn bị bài thi tốt, nội dung bài kể đầy đủ, phát âm tốt, thực hành các kỹ năng ngôn ngữ ở mức độ khá.

- Kết quả từ 8-9 điểm: SV hoàn toàn thuyết phục được GV sau bài nói và hội thoại: nội dung bài kể đầy đủ và có bố cục chặt chẽ, không có lỗi phát âm và ngữ pháp, phản xạ tốt, trả lời nhanh và đầy đủ các câu hỏi của GV.

11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định: sáng từ 7g, chiều từ 13g.
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp. Cấm thi đối với sinh viên vắng trên 3 buổi ở mỗi HP1, HP2 và vắng trên 2 buổi ở mỗi HP3, HP4.
- Sinh viên cần phải có thái độ học tập nghiêm túc, kế hoạch học tập chi tiết và ý thức nỗ lực hoàn thành các nội dung của môn học. Để chuẩn bị cho 5 tiết lên lớp, SV cần phải dành từ 2- 3 tiếng tự học để ôn bài cũ và bắt buộc phải thực hiện bài tập về nhà trước khi đến lớp.
- Tuyệt đối không được ăn, sử dụng điện thoại di động và các thiết bị điện tử khác trong giờ học ngoài mục đích học tập.

11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ. Các SV học cải thiện hoặc học lại có thể xin nghỉ một số buổi học bị trùng giờ, nhưng phải theo dõi lịch thi để tham gia đầy đủ các buổi thi và kiểm tra.
- Tuyệt đối không được quay cóp trong kỳ thi. SV vi phạm sẽ bị đánh rớt.

12. Nội dung chi tiết môn học:

Bài	Nội dung	Bài	Nội dung
1 (7t)	<ul style="list-style-type: none">- Nguyên âm <i>а, о, у, э, и, ы</i>- Phụ âm <i>л, м, н, п, б, ф, в, т, д</i>- Phân tích âm tiết, trọng âm- Khái niệm về ngữ điệu- ИК-1, ИК-3- Cấu trúc <i>Это дом.</i>- Đại từ chỉ người <i>он, она</i>	9 (22t)	<ul style="list-style-type: none">- Cách chia II của động từ.- Cách chia động từ với tiểu từ <i>-ся</i>.- Danh từ và đại từ nhân xưng cách 4 chỉ đối tượng trực tiếp.- Đại từ phủ định <i>никого, ничего</i>.- Động từ <i>любить + инф.</i>- Động từ <i>учить</i> và <i>учиться</i>.- Cấu trúc với liên từ <i>поэтому</i>.- Cấu trúc <i>где можно + инф.</i>- “Иван журналист”- “Семья дома”
2	<ul style="list-style-type: none">- Phụ âm <i>к, г, х, с, з, р</i>- ИК-1, ИК-2, ИК-3- Giống của danh từ- Câu hỏi <i>Кто это?</i>	10 (16t)	<ul style="list-style-type: none">- Giới từ chỉ ngày trong tuần.- Động từ thời quá khứ.- Động từ <i>быть</i> thời quá khứ.- Trạng từ chỉ thời gian (<i>сегодня, вчера...</i>)- Động từ <i>смотреть</i> và <i>видеть</i>.

(8t)			<ul style="list-style-type: none"> - Động từ chuyển động <i>идти – ехать; ходить – ездить</i>. - Cách 4 chỉ phương hướng. - Cách 6 biểu thị phương tiện chuyển động. - “Экскурсия в музей Пушкина”
3 (9t)	<ul style="list-style-type: none"> - Phụ âm <i>ш, ж, з, с</i>. - Chữ cái <i>я, е, ё, ю</i>. - ИК-1, ИК-3 trong câu phức - Đại từ nhân xưng; đại từ sở hữu 	11 (22t)	<ul style="list-style-type: none"> - Các ý nghĩa của thể động từ. - Cách sử dụng động từ hoàn thành và chưa hoàn thành thể ở thời quá khứ. - Động từ <i>хотеть + инф, мочь + инф</i>. - Động từ chuyển động <i>пойти – поехать (хочу пойти, хочу поехать)</i>. - Cách 3 với giới từ: <i>к кому?</i> - Câu hỏi <i>когда? сколько времени?</i> - «Сказка о репке»
4 (10t)	<ul style="list-style-type: none"> - Phụ âm <i>ч, щ</i> - Khái niệm phụ âm cứng và mềm - Cấu trúc phủ định <i>нет, это не...</i> - Giống của danh từ. - Câu thức mệnh lệnh <i>Дай(те)!</i> - <i>Скажи(те)!</i> <i>Покажи(те)!</i> - Câu hỏi <i>Что это?</i> - Câu hỏi với từ nghi vấn <i>Где?</i> - Bài khóa “Мой альбом” 	12 (20t)	<ul style="list-style-type: none"> - Danh từ, đại từ nhân xưng cách 2 chỉ: <ul style="list-style-type: none"> a) Chủ sở hữu (<i>у меня ...</i>). б) Phủ định (<i>нет сестры</i>). в) Địa điểm xuất phát (<i>откуда? – из Китая</i>). - Cách 2 với số từ 2-4. - Động từ chuyển động <i>пойти- поехать, прийти- приехать</i> ở thời quá khứ. - Sô số <i>где– куда – откуда</i> - Cách diễn đạt thời gian <i>зимой, в январе</i>. - “Три медведя” - “Письма”
5 (11t)	<ul style="list-style-type: none"> - Phụ âm <i>ц</i> - ИК-4 - Danh từ số nhiều - Đại từ sở hữu <i>мой, твой ...</i> - Câu hỏi với các từ nghi vấn <i>Чей? Чья? Чьё? Чьи?</i> - Câu hỏi <i>Кто он?</i> - Các động từ chia nhóm I: <i>знать</i>. - Bài khóa “Моя семья” 	13 (23t)	<ul style="list-style-type: none"> - Động từ HCB и СВ ở thời tương lai - Danh từ, đại từ cách 3 chỉ người tiếp nhận hành động, cách nói tuồng - Cấu trúc <i>кому нравится что/ что делать; кому надо, нужно что делать</i> - “Что? Где? Когда” - “Нельзя опаздывать” - “Книжная выставка”.

6 (2t)	Ôn tập		
7 (15t)	<ul style="list-style-type: none"> - Số từ 1-20, 30, 40, 50. - ИК-2 với câu hỏi <i>Какой?</i> - Tính từ kết hợp với danh từ về giống và số - Đại từ chỉ định <i>этот, эта, это, эти.</i> - Cấu trúc <i>самый + tính từ + danh từ.</i> - Cấu trúc <i>Мне нравится...; Сколько стоит ..?</i> - Cấu trúc với liên từ <i>что, потому что,</i> - “Разговоры в магазине, в книжном киоске, в библиотеке, в столовой” - Bài khóa “Москва” 	14 (15t)	<ul style="list-style-type: none"> - Cách sử dụng động từ HCB biểu đạt hành động diễn ra song song. - Cách sử dụng động từ CB diễn đạt hành động xảy ra kế tiếp nhau. - Câu phức với liên từ <i>когда</i> - Danh từ cách 5 với giới từ <i>с</i> - Danh từ, đại từ cách 6 chỉ tính chất của đối tượng hành động lời nói với giới từ <i>о.</i> - “Экскурсия в Суздаль”
8 (13t)	<ul style="list-style-type: none"> - ИК-5 - Ôn các động từ chia theo cách chia I ở thời hiện tại. - Cách sử dụng trạng từ - Danh từ cách 6 chỉ nơi chốn, địa điểm với giới từ <i>в</i> và <i>на</i> - “На Арбате” 	15 (10t)	Ôn tập

13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Buổi/ Tuần	Nội dung bài học	Hoạt động giảng dạy	Hoạt động học tập	Bài tập/ Bài học
1/1 5 tiết bài 1	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyên âm <i>а, о, у, э, и, ы</i> - Phụ âm <i>м, н, п, б, ф, в, т, д, л</i> - Khái niệm về âm tiết, trọng âm - Cách đọc <i>о, а</i> không trọng âm - Khái niệm về ngữ điệu- ИК-1 - Cấu trúc <i>Это дом.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu chữ cái, cách đọc và viết cả 4 loại: in hoa, in thường, chữ hoa và chữ thường. - Cho SV làm quen với khái niệm âm tiết (vần), trọng âm, cách đọc <i>о, а</i> không trọng âm. - GV giới thiệu về ИК-1. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV tập viết và phát âm từ dễ đến khó: âm, vần, từ 1 vần, từ nhiều vần, chú ý đọc đúng trọng âm và <i>о, а</i> không trọng âm. - Đặt câu theo câu mẫu <i>Это дом</i> với ИК-1. 	1-6 / 1

<p>2/1 2 tiết bài 1 + 3 tiết bài 2</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc câu Иван тут. - Cấu trúc câu Это Иван. Он тут. - Đại từ nhân xưng он, она - ИК-3 - Phụ âm к, з, х 	<ul style="list-style-type: none"> - GV kiểm tra bài cũ. - GV giới thiệu đặc điểm của ИК-3 được sử dụng trong câu hỏi không có từ nghi vấn, lưu ý điểm khác biệt giữa những câu có vị trí ИК-3 khác nhau. - Cho SV nghe bài 13. - GV giới thiệu phụ âm к, з, х. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV đặt câu theo câu mẫu Иван тут và Это Иван. Он тут với ИК-1, chú ý dùng đúng đại từ nhân xưng он, она. - SV mô tả tranh (làm việc theo nhóm), sau đó đặt câu hỏi và trả lời. - SV tập đọc 2 câu hỏi có vị trí ИК-3 khác nhau. - SV tập đọc từ mới. - Bt về nhà: trang 13. 	<p>7-13/1; 1-2 / 2</p>
<p>3/1 5 tiết bài 2</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phụ âm р, с, з - Cách đọc о, а không trọng âm trong các từ 3 vần - Khái niệm về phụ âm vô thanh-hữu thanh và cách đọc phụ âm hữu thanh ở cuối từ - ИК-2 - Giống của danh từ - Câu hỏi Кто это? 	<ul style="list-style-type: none"> - GV kiểm tra bài cũ. - GV giới thiệu phụ âm mới, khái niệm về phụ âm vô thanh-hữu thanh, cặp phụ âm vô thanh-hữu thanh, cách đọc phụ âm hữu thanh cuối từ thành vô thanh tương ứng. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV tập đọc từ mới, làm quen với các từ có 3 vần. - Tập đọc câu hỏi có từ nghi vấn với ИК-2. - SV làm việc nhóm, đặt câu hỏi và trả lời theo mẫu - Кто это? - Это Иван? - Это Иван.- Да, это он. - SV nghe bài 12. - Bt về nhà: trang 24. 	<p>3-12/ 2</p>
<p>1/2 5 tiết bài 3</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phụ âm ш, ж, з, с. - Chữ cái я, е, ё, ю. - Hiện tượng vô thanh hóa - Đại từ nhân xưng - Đại từ sở hữu мой, моя, моё - Bài khóa Вот мой дом 	<ul style="list-style-type: none"> - GV kiểm tra bài cũ. - Cho SV lặp lại từ mới, cho đọc và sửa âm. - GV giới thiệu đại từ nhân xưng. - GV giới thiệu đại từ sở hữu, lưu ý SV phải dùng cho phù hợp với danh từ về giống. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV làm bài nghe đầu bài 3, tr. 26. - SV làm quen với các phụ âm và tập đọc từ mới. - SV làm câu với мой, моя, моё. - SV làm việc nhóm: nhìn tranh và làm theo mẫu câu: Это нож. Это тоже нож. - SV tập đọc bài khóa Вот мой дом. - Bt về nhà: tập kể lại bài theo tranh. 	<p>1-7/ 3</p>
<p>2/2 4 tiết</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bảng đại từ sở hữu các ngôi số ít 	<ul style="list-style-type: none"> - GV kiểm tra bài cũ và cho chơi banh. - GV giới thiệu bảng đại từ sở 	<ul style="list-style-type: none"> - SV chuyền banh cho nhau, người chuyền nói câu Это дом, người nhận banh nói 	<p>8-18/ 3 1-2 / 4</p>

bài 3 + 1 tiết bài 4	- Câu phức với liên từ a - Khái niệm phụ âm cứng và mềm	hữu các ngôi số ít. - GV giới thiệu cách phát âm các phụ âm mềm trong tiếng Nga, cho SV tập đọc từ mới.	<i>Это мой дом</i> , chú ý dùng đại từ sở hữu cho phù hợp với giống của danh từ. - SV tập đặt câu, sau đó, làm câu theo mẫu <i>Это мой шарф, а это твой шарф.</i> - Bt về nhà: học thuộc từ mới.	
3/2 5 tiết bài 4	- Phụ âm mềm (t/t) - Cách trả lời phủ định <i>нет, это не...</i> - Giống của danh từ.	- GV kiểm tra bài cũ. - Cho SV lặp lại từ mới, cho đọc và sửa âm. - Cho SV ôn lại cách trả lời khẳng định và cho học thêm cách trả lời phủ định <i>нет, это не...</i> - Giới thiệu đầy đủ các vĩ tố của danh từ giống đực, giống cái và giống trung.	- SV tập đọc từ mới với các phụ âm mềm. - SV tập trả lời câu hỏi trả lời khẳng định và phủ định theo ảnh. - SV đặt câu có đại từ sở hữu phù hợp với giống của danh từ. - Bt về nhà: học thuộc từ mới.	3-8/ 4
1/3 4 tiết bài 4 + 1 tiết bài 5	- Phụ âm ч, ш - Câu thức mệnh lệnh <i>Дай(те)! Скажи(те)! Покажи(те)!</i> - Câu hỏi <i>Что это?</i> - Câu hỏi với từ nghi vấn <i>Где?</i> - Bài khóa “Мой альбом”	- GV kiểm tra bài cũ. - Giới thiệu cách viết và phát âm 2 phụ âm mới, cho SV tập đọc từ mới và sửa âm. - Cho SV hội thoại từng đôi một và sửa cho từng nhóm.	- SV tập đọc từ mới với phụ âm ч, ш . - SV trả lời câu hỏi <i>Что это?</i> , câu hỏi với từ nghi vấn <i>Где?</i> , sau đó, làm bài hội thoại tổng hợp với <i>Дай(те)! Скажи(те)! Покажи(те)!</i> - Tập đọc bài “Мой альбом” - Bt về nhà: Nghe và học thuộc bài 21.	9-21/ 4
2/3 5 tiết bài 5	- Phụ âm mềm (t/t) - Phụ âm щ - Danh từ số nhiều - Đại từ sở hữu <i>мой, твой,</i> ... - Câu hỏi với các từ nghi vấn <i>Чей? Чья? Чьё? Чьи?</i> - ИК-4	- GV kiểm tra bài cũ. - Giới thiệu âm, cho SV tập đọc từ mới, sửa âm. - Hướng dẫn SV đổi danh từ sang số nhiều, lưu ý các trường hợp đặc biệt. - Cho SV hội thoại với câu hỏi <i>Чей? Чья? Чьё? Чьи?</i> - Giới thiệu ИК-4, trường hợp sử dụng và cách đọc.	- SV tập đọc từ mới với phụ âm mềm và phụ âm щ . - SV tập đổi danh từ sang số nhiều, sau đó, trả lời câu hỏi với các từ nghi vấn <i>Чей? Чья? Чьё? Чьи?</i> - SV làm quen với câu hỏi dùng ИК-4, tập đọc và hội thoại. - Bt về nhà: tập đổi danh từ	1-15/ 5

			sang số nhiều.	
3/3 5 tiết bài 5	<ul style="list-style-type: none"> - Câu hỏi Как вас зовут? - Câu hỏi Кто он? - Bài khóa “Моя семья” - Các động từ chia nhóm I: знать. 	<ul style="list-style-type: none"> - GV kiểm tra bài cũ, ôn lại cách đổi sang số nhiều của danh từ và các trường hợp đặc biệt. - Cho SV học và hội thoại cách hỏi tên và nghề nghiệp. - Cho SV tập đọc bài khóa “Моя семья”. - Giới thiệu cách chia I của động từ, cho SV học thuộc tại lớp cách chia động từ знать. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV hội thoại với câu hỏi Как вас зовут? và Кто он? - SV tập đọc bài khóa. - SV tập chia động từ знать và sử dụng trong theo câu mẫu Я не знаю, что это. - Bt về nhà: nghe bài 26 và làm bài tập về nhà tr.77 	16-26/5
1/4 2 tiết bài 6 + K/tra	<ul style="list-style-type: none"> - Bài 6: bài ôn tập (2 tiết) - Làm bài trắc nghiệm lấy điểm giữa HP1 và kiểm tra phát âm lấy điểm cuối HP1 (3 tiết còn lại) 	<ul style="list-style-type: none"> - GV kiểm tra bài cũ. - Cho SV ôn tập dựa theo các bài thích hợp trong bài ôn số 6. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV làm các bài ôn tập trong bài 6 để củng cố phần phát âm, từ vựng, ngữ pháp, nghe, nói, đọc, viết. - Làm bài kiểm tra. - Bt về nhà: SV học thuộc số thứ tự từ 1-10. 	Bài 6
2/4 5 tiết bài 7	<ul style="list-style-type: none"> - Số từ 1-20 - ИК-2 với câu hỏi Какой? - Tính từ kết hợp với danh từ về giống và số 	<ul style="list-style-type: none"> - GV kiểm tra bài cũ. GV giới thiệu về hình thức và cách dùng tính từ trong tiếng Nga. Cho SV làm quen với tính từ đuôi mềm dạng синий và đuôi cứng dạng новый trước; sau khi SV đã quen mới giới thiệu đuôi tính từ sau к, з, х và ш, ж, ч, щ. - Cho SV lên bảng viết câu với tính từ, sửa lỗi. - Khi SV hội thoại, GV nghe và sửa lỗi phát âm, ngữ điệu và ngữ pháp. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV lần lượt tập đổi tính từ theo các dạng có đuôi mềm, đuôi cứng, sau к, з, х và ш, ж, ч, щ. - SV tập đặt câu với tính từ, chú ý tính từ phải phù hợp với danh từ về giống, số và cách. - SV hỏi đáp theo tranh, dùng tính từ trả lời câu hỏi Какой? - Bt về nhà: SV viết 10 câu với tính từ theo mẫu đã học. 	1-5/ 7
3/4 5 tiết	<ul style="list-style-type: none"> - Số từ 20-300 - Đại từ chỉ định этот, эта, это, эти. - Cấu trúc самый + tính từ + danh từ (8) 	<ul style="list-style-type: none"> - GV kiểm tra bài cũ. - Giới thiệu và lưu ý cách dùng đại từ chỉ định этот, эта, это, эти cho phù hợp với danh từ về giống và số. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV lần lượt tập trả lời các câu hỏi Какой журнал самый интересный? Какой журнал вам нравится? Сколько 	7-12/ 7

bài 7	- Cấu trúc Мне нравится... (9-12)	- Cho SV đặt câu, hội thoại, GV nghe và sửa lỗi. - Cùng làm với SV bài hội thoại tổng hợp mẫu, sau đó, mời vài cặp SV lên nói trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và sửa lỗi.	стоит этот журнал? - SV làm bài hội thoại tổng hợp. - Bt về nhà: Viết 15 câu với các cấu trúc đã học.	
1/5 5 tiết bài 7	- Cấu trúc Сколько стоит ..? (13-15) - Câu phức với liên từ что, потому что (16) - Bài khóa “Москва”	- GV kiểm tra bài cũ. - Cho SV ôn lại cách chia I với động từ знать , yêu cầu SV chia động từ думать , làm câu với cấu trúc Я думаю, что...	- SV ôn lại số từ và tập trả lời câu hỏi Сколько стоит этот журнал? - SV tập chia động từ думать theo cách chia I đã học và làm câu theo mẫu. - SV tập trả lời câu hỏi Почему? theo mẫu ở bài tập 16. - Tập đọc bài khóa “Москва” - Bt về nhà: Nghe bài 21.	13-21/7,
2/5 5 tiết bài 8	- Ôn các động từ chia theo cách chia I ở thời hiện tại. - Câu hỏi Что ты делаешь? (1-10) - Cách sử dụng trạng từ trong cấu trúc câu кто? как? что делает? (13-16)	- GV kiểm tra bài cũ. - Cho SV chia động từ делать , hội thoại, trả lời câu hỏi Что ты делаешь? và sửa lỗi. - Giới thiệu cấu trúc câu кто? как? что делает? , cho học thuộc các câu mẫu, đặt câu và hội thoại.	- SV chia động từ делать và trả lời câu hỏi Что ты делаешь? - SV nghe bài 15, tập đặt câu theo mẫu Я хорошо читаю по-русски , chú ý vị trí và cách sử dụng trạng từ, sau đó làm hội thoại theo nhóm. - Bt về nhà: Nghe bài 17	1-16/8
3/5 5 tiết bài 8	- Động từ играть (18-19) - ИК-5 (21) - Danh từ cách 6 chỉ nơi chốn, địa điểm với giới từ в và на - Câu hỏi Где вы работаете? (24-27)	- GV kiểm tra bài cũ. - Cho SV nghe bài 19 và trả lời câu hỏi Почему? - Giới thiệu đặc điểm và cách sử dụng của ИК-5, cho SV tập đọc và so sánh câu với ИК-2. - GV giới thiệu cách 6 của danh từ chỉ địa điểm, cho SV tập đổi danh từ sang cách 6. - Cho ý nghĩa của giới từ в và на , cho SV học thuộc các	- SV đặt câu với động từ играть , nghe bài 19 và làm hội thoại, ôn lại cách trả lời câu hỏi Почему? - Tập đọc câu với ИК-5 - SV tập đổi danh từ sang cách 6, lần lượt trả lời các câu hỏi dạng Где лампа?, Где вы работаете? , chú ý cách sử dụng giới từ в và на .	18-27/8

		đanh từ dùng với giới từ на ; sau đó cho đặt câu và hội thoại.		
1/6 3 tiết bài 8 + 2 tiết bài 9	- Câu hỏi Где вы живёте? (28-30) - Đoạn đầu bài khoá “На Арбате” - Cách chia II của động từ.	- GV kiểm tra bài về nhà và cho nghe bài 2 phần фонетическая зарядка. - Ôn cách 6, học chia động từ жить và cho trả lời câu hỏi Где вы живёте? - Cho đọc bài khoá và sửa lỗi phát âm. - GV hướng dẫn SV chia động từ theo cách chia II. Cho SV lên bảng chia các động từ говорить, курить, звонить, учить.	- Tập trả lời câu hỏi Где вы живёте? - SV tập đọc đoạn đầu bài khoá “На Арбате” - SV so sánh cách chia I và II của động từ, tập chia các động từ говорить, курить, звонить, учить , sau đó làm câu theo mẫu Я хорошо говорю по-русски. - Bt về nhà: Nghe bài 33	28-33/8 1,2/9
2/6 5 tiết bài 9	- Câu hỏi Где ты учишься? (bt 4) - Danh từ cách 4 bất động vật trả lời câu hỏi что? (bài tập 8, 15, 16, 17)	- GV kiểm tra bài cũ. - Nghe SV hội thoại và sửa lỗi. - GV hướng dẫn SV cách đổi danh từ bất động vật sang cách 4 và cho SV sử dụng các động từ читать, слушать, смотреть, повторять, писать , trả lời câu hỏi Что ты читаешь? (bài tập 8, 15, 16, 17)	- SV tập chia động từ учиться , trả lời câu hỏi Где ты учишься? , nghe bài 4 và làm hội thoại, chú ý ôn lại danh từ cách 6. - SV học thuộc các cụm từ dùng với các động từ đòi hỏi câu hỏi что? , đặt câu và hội thoại. - Bt về nhà: đặt 10 câu với các động từ đã học.	4,8,15,16,17/9
3/6 5 tiết bài 9	- Động từ учить và учиться. - Danh từ cách 4 động vật trả lời câu hỏi кого? Với các động từ знать, понимать, любить, ждать (bt 6, 18, 19, 20) - Đại từ phủ định никого, ничего. - Đại từ nhân xưng cách 4	- GV kiểm tra bài về nhà - Sau đó, GV cho chia 2 động từ учить, учиться và so sánh cách sử dụng của 2 động từ này (bt 9,10,11) - Cho SV học thuộc các động từ đòi hỏi по-русски và русский язык (bt 13) - GV hướng dẫn SV đổi danh từ động vật sang cách 4, trả lời câu hỏi кого? , và cho SV học	- SV nghe bài 9, làm hội thoại, chú ý cách dùng khác nhau của 2 động từ учить và учиться (bt 9,10,11). - SV lưu ý phân biệt по-русски và русский язык (bt 13). - SV tập đổi và làm câu với các động từ любить, знать, понимать, ждать ; làm bài 6, 18; nghe	9,10,11,13/9 6,18,19/9

		thuộc Bảng đại từ nhân xưng cách 4. - Cho SV tập đọc các ngày trong tuần và bài 23 “Семья дома”.	bài 19, 20. - Bt về nhà:SV dịch trước bài khoá 23, tập đặt câu hỏi và trả lời theo nội dung bài khóa, học thuộc 7 ngày trong tuần.	
1/7 5 tiết bài 9	- Động từ любить + инф (bt 21, 22) - Các ngày trong tuần. - “Семья дома”	- GV lưu ý cách dùng của động từ любить : любить что?, любить что делать? (bài 21, 22). - GV kiểm tra bài về nhà. (Có thể chia lớp làm 2 nhóm chơi banh. Một người của nhóm này chuyền banh cho 1 người trong nhóm kia và đặt câu hỏi theo bài khóa. Người nhận banh phải trả lời ngay và đúng)	- SV làm câu với 2 cách dùng của động từ любить : любить что?, любить что делать? (bài 21, 22). - Đọc hiểu và trả lời câu hỏi bài khoá 23. - Bt về nhà: làm bài về nhà cuối bài 9, tr.169, nghe bài 28 và trả lời câu hỏi theo nội dung bài.	21-23/9
2/7 5 tiết bài 9	- Câu phức với liên từ поэтому (bt 24) - Cấu trúc где можно + инф .(bt 25, 26) - Bài nghe 28	- Cho SV đổi từ câu với потому что sang câu поэтому (bt 24). - Giảng về cấu trúc где можно + инф , lưu ý cách trả lời 2 câu hỏi Где можно купить журналы? và Что можно купить в магазине?	- SV tập đặt câu phức chỉ kết quả với liên từ поэтому , so sánh với câu chỉ nguyên nhân потому что . - SV tập đặt câu theo cấu trúc где можно + инф . - Trả lời câu hỏi bài nghe 28. - Bt về nhà: đặt 10 câu theo các cấu trúc đã học.	24-28 /9
3/7 5 tiết bài 10	- Động từ thời quá khứ, Trạng từ chỉ thời gian (сегодня, вчера...), Ngày trong tuần trả lời câu hỏi когда? (bt 1-4) - Động từ быть thời quá khứ và cấu trúc когда? кто? был где? (bt 5, 6, 7, 8)	- GV kiểm tra bài về nhà và cho nghe phần фонетическая зарядка. - GV giảng bài ngữ pháp mới: động từ thời quá khứ, cho SV tập chia, làm câu và hội thoại, chú ý dùng các trạng từ chỉ thời gian và ngày trong tuần trả lời câu hỏi когда? - GV kiểm tra bài về nhà.	- SV tập chia động từ ở thời quá khứ, đổi câu từ thời hiện tại sang quá khứ, nghe bài 1д, bài 3, 4 và làm hội thoại theo nhóm với câu hỏi Что ты делал вчера? - SV tập chia động từ быть ở thời quá khứ và đặt câu theo cấu trúc когда? кто? был где?	1-8/10

		<ul style="list-style-type: none"> - Cho SV chia động từ ở быть thời quá khứ, chú ý trọng âm khi dùng với phủ định từ не. - Cho SV lên bảng viết câu với cấu trúc когда? кто? был где? 		
1/8 3 tiết bài 10 + K/tra	<ul style="list-style-type: none"> - Động từ быть thời quá khứ và cấu trúc когда? где? было что? (bt 9) - Động từ смотреть và видеть (bt 10, 11) - Kiểm tra giữa HP 2 	<ul style="list-style-type: none"> - Cho SV ôn lại cấu trúc когда? кто? был где?, so sánh với cấu trúc mới: когда? где? было что?, cho lên bảng dịch câu theo cấu trúc này. - GV giúp SV phân biệt nghĩa và cách sử dụng 2 động từ смотреть và видеть. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV đặt câu theo cấu trúc когда? где? было что? - Nghe bài 9 và trả lời câu hỏi. - SV làm câu theo các câu mẫu ở bài tập 10, sử dụng cho đúng 2 động từ смотреть và видеть. - SV làm bài viết lấy điểm giữa HP2 	9- 11/10
2/8 5 tiết bài 10	<ul style="list-style-type: none"> - Động từ chuyển động идти – ехать và cách 4 chỉ phương hướng trả lời câu hỏi куда? (bt 12-17) - Động từ ходить – ездить (bt 18-21) 	<ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu 2 động từ chuyển động идти – ехать, cách chia các động từ này, cách sử dụng danh từ cách 4 chỉ phương hướng với giới từ в và на để trả lời câu hỏi куда? - Giới thiệu 2 động từ chuyển động ходить – ездить, ý nghĩa và cách sử dụng của chúng ở thời quá khứ, lưu ý sự khác biệt về ngữ pháp trong 2 cấu trúc câu đồng nghĩa кто был где và кто ходил (ездил) куда. - Cho SV tập đọc bài khóa 26. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV học thuộc cách chia của 2 động từ chuyển động идти – ехать, đặt câu và làm hội thoại. - SV đặt câu với 2 động từ ходить – ездить ở thời quá khứ để chỉ hành động đi và đã về. - SV nghe bài 18, 19; tập đối qua lại với 2 cấu trúc tương đương кто был где và кто ходил (ездил) куда và làm bài hội thoại. - SV tập đọc bài khóa 26. - Bt về nhà: Dịch viết bài khóa 26, nghe bài 28 và trả lời câu hỏi. 	12- 22/10
3/8	<ul style="list-style-type: none"> - Cách 6 biểu thị phương tiện di chuyển (bt 22) - Các cặp thể động từ 	<ul style="list-style-type: none"> - Cho SV ôn lại động từ chuyển động và danh từ cách 6, cho học thuộc các phương 	<ul style="list-style-type: none"> - SV tập đặt câu theo mẫu ехать – ездить на чем biểu thị phương tiện đi 	1-4/11

<p>3 tiết bài 10 + 2 tiết bài 11</p>	<p>(tr.205) - Cách sử dụng động từ hoàn thành và chưa hoàn thành thể ở thời quá khứ. - Nghĩa 1: xác nhận hoặc phủ nhận bản thân hành động và xác nhận hoặc phủ nhận kết quả hành động (bt 1-4)</p>	<p>tiện đi chuyên ở cách 6 với giới từ на và đặt câu. - Cho nghe bài 24 và trả lời câu hỏi, sau đó cho hội thoại, lưu ý cách nói kiểu быть в театре на опере. - GV cho nghe phần фонетическая зарядка. - GV giới thiệu ý nghĩa và cách sử dụng của thể động từ trong tiếng Nga.</p>	<p>chuyên. - Nghe bài 24 và làm hội thoại. - Trả lời câu hỏi bài nghe 28. - Mở đầu bài học 11, SV học thuộc các cặp thể động từ trong sách, đọc và dịch các câu mẫu, đặt câu và hội thoại theo các tình huống mẫu trong giáo trình để thực tập nghĩa thứ nhất của động từ hoàn thành và chưa hoàn thành thể thời quá khứ: xác nhận bản thân hành động và xác nhận kết quả hành động. - Bt về nhà: viết lại 10 câu.</p>	
<p>1/9 5 tiết bài 11</p>	<p>- Nghĩa 2: thể chưa hoàn thành chỉ hành động lập đi lập lại, thể hoàn thành biểu hiện hành động diễn ra một lần trong quá khứ (bt 5, 6)</p>	<p>- Ôn nghĩa 1 của thể động từ. Cho hội thoại lần nữa để ôn tập. - GV giảng về nghĩa thứ 2 của thể động từ.</p>	<p>- SV nghe bài 5, so sánh cách sử dụng của động từ hoàn và chưa hoàn thành thể. - Làm bài tập 6 và hội thoại theo mẫu bài 6б. - SV học cách nói giờ để trả lời câu hỏi Сколько сейчас времени?</p>	<p>5-6/11</p>
<p>2/9 5 tiết bài 11</p>	<p>- Câu hỏi Сколько сейчас времени? (Который час?) (bt 7) - Nghĩa 3: thể chưa hoàn thành chỉ hành động kéo dài (bt 8-11) - Cách dùng giờ trả lời câu hỏi когда? (bt 12-14)</p>	<p>- Cho SV ôn bài cũ. - GV giảng về cách sử dụng động từ thể chưa hoàn thành chỉ hành động kéo dài trả lời câu hỏi сколько времени?, cách dùng giờ trả lời câu hỏi когда?, lưu ý cách dùng giờ để trả lời câu hỏi Сколько сейчас времени? (Который час?) - Cho 1-2 SV lên trước lớp kể về những việc làm ngày hôm</p>	<p>- SV tập đặt câu, sử dụng động từ chưa hoàn thành thể biểu thị hành động kéo dài. - SV phân biệt cách nói giờ để trả lời 3 câu hỏi khác nhau: Сколько сейчас времени?, Сколько времени? (как долго?) và когда? - SV làm hội thoại và kể về những việc mình đã làm ngày hôm qua (bài 11б).</p>	<p>7-14/ 11</p>

		qua của mình.	- Bt về nhà: Học thuộc cách chia động từ хотеть .	
3/9 5 tiết bài 11	- Động từ хотеть + инф. (bt 15-18) - Động từ chuyên động пойти – поехать (хочу пойти, хочу поехать) . - Cách 3 với giới từ к trả lời câu hỏi к кому? (bt 19-25)	- GV cho SV chia động từ хотеть , lưu ý cách chia đặc biệt của động từ này. - Cho SV ôn lại cách 4 chỉ phương hướng trả lời câu hỏi куда? và học thêm danh từ cách 3 trả lời câu hỏi к кому?	- SV đặt câu với động từ хотеть , chú ý dùng thể động từ của động từ nguyên mẫu sau đó cho đúng. - SV học đổi danh từ sang cách 3 và đặt câu. - Bt về nhà: nghe bài 31 và trả lời câu hỏi.	15-25/11
1/10 5 tiết bài 11	- Động từ мочь + инф. (bt 26, 27) - Bài nghe 31	- GV cho nghe bài 31, cho SV trả lời câu hỏi và kể về Клара. - Cho SV làm bài tập 26 của bài 10.	- SV học chia động từ мочь và đặt câu, sau đó nghe bài 26 và trả lời câu hỏi. - Nghe bài 31 và trả lời câu hỏi - Bt về nhà: Viết 10 câu với động từ мочь	26,27, 31/11
2/10 5 tiết bài 12	- Danh từ, đại từ nhân xưng cách 2 chỉ: a) Chủ sở hữu (у меня ...). б) Phủ định (нет сестры). - Cách 2 với số từ 2-4 (bt 8)	- GV cho nghe phần фонетическая зарядка. - GV giảng về các cấu trúc câu mới, hướng dẫn SV đổi danh từ sang cách 2 số ít, lần lượt đặt câu theo các mẫu câu từ dễ đến khó. - GV giảng về cách dùng khác của danh từ cách 2: dùng sau số từ 2, 3, 4.	- SV học thuộc đại từ nhân xưng cách 2 với giới từ у , tập đổi danh từ sang cách 2 số ít đặt câu theo cấu trúc у кого/где? есть кто/что? và у кого/где? нет кого/чего? - SV nghe bài 8 và đặt câu với danh từ cách 2 số ít sau số từ 2, 3, 4. - Bt về nhà: làm 10 câu với các cấu trúc câu đã học.	1-8/12
3/10 5 tiết bài 12	- Cách 2 chỉ địa điểm xuất phát (откуда? – из Китая). (bt 9,10) - Động từ chuyên động прийти-приехать ở thời quá khứ (bt 11-16) - Soshde – куда – откуда	- GV kiểm tra bài về nhà. - GV giới thiệu ý nghĩa của cách 2 dùng sau động từ chuyên động để chỉ địa điểm xuất phát, trả lời câu hỏi откуда? - Cho SV đặt câu, hội thoại. - Lưu ý SV sử dụng cách cho đúng trong các câu Я был в	- SV đặt câu với danh từ cách 2 chỉ địa điểm xuất phát (откуда?), chú ý dùng cho đúng giới từ из , tương ứng với в, на , nghe bài 12. - SV làm quen với 2 cặp động từ chuyên động có tiền tố пойти-поехать, прийти-приехать , phân	9-16/12

		<i>школе (где-сáч 6); Я иду в театр (куда-сáч 4); Сейчас я в театре; Я пришёл в театр из школы (откуда-сáч 2).</i>	biệt <i>где– куда – откуда</i> và đặt câu theo mẫu Я был в школе. Я иду в театр. Сейчас я в театре. Я пришёл в театр из школы. - Bt về nhà:Viết 10 câu theo mẫu câu trong bài tập 14.	
1/11 5 tiết bài 12	- 2 cặp động từ: пойти-поехать (chỉ sự bắt đầu đi)và прийти-приехать (chỉ sự đạt tới mục đích của chuyển động). (bt 17-20) - “Три медведя” - Tên gọi của 12 tháng trong năm	- GV kiểm tra bài về nhà. - So sánh 2 cặp động từ: пойти-поехать (chỉ sự bắt đầu đi)và прийти-приехать (chỉ sự đạt tới mục đích của chuyển động). - Cho SV tập đọc tên của 12 tháng. - Cho SV làm bài 21: “Три медведя”	- SV đặt câu với пойти-поехать (chỉ sự bắt đầu đi)và прийти-приехать (chỉ sự đạt tới mục đích của chuyển động). - SV làm bài 21: “Три медведя”và kể lại truyện cổ tích này. - Bt về nhà:Viết lại truyện “Три медведя” và học thuộc 12 tháng.	17-21 /12
2/11 5 tiết bài 12	- Cách diễn đạt thời gian зимой, в январе (bt 22) - “Письмо Джона” - “Письмо Марии” (2 tiết)	- GV kiểm tra bài về nhà. - Cho SV đọc nghiên cứu bài “Письмо Джона”: tập đọc, giải thích, cho trả lời câu hỏi. - Sau đó, cho SV tự đọc hiểu bài “Письмо Марии”, trả lời câu hỏi theo bài và so sánh giữa Джон và Мария.	- SV đọc và trả lời câu hỏi bài “Письмо Джона”. - SV trả lời câu hỏi bài “Письмо Марии”, sau đó, so sánh giữa Джон và Мария. - Bt về nhà: nghe bài 25.	22-25 /13
3/11 5 tiết bài 13	- Фонетическая зарядка - Động từ HCB ở thời tương lai (tương lai phức – будущее сложное)	- GV cho SV trả lời câu hỏi bài 25. - GV cho nghe phần фонетическая зарядка. - GV hướng dẫn SV cách chia động từ chưa hoàn thành thể ở thời tương lai phức, trả lời câu hỏi Что ты будешь делать завтра? và làm hội thoại.	- SV tập chia động từ, đặt câu và hội thoại, tập đặt và trả lời câu hỏi Что ты будешь делать завтра?	1-3/13
1/12	- Động từ CB ở thời tương lai (tương lai đơn – будущее простое)	- GV giới thiệu thời tương lai đơn của động từ hoàn thành thể.	- SV lưu ý cách chia thời tương lai của các động từ hoàn thành thể trong sách	4-6/13

3 tiết bài 13 + K/tra	- Kiểm tra cuối HP2	- Cho SV tập đọc và cố gắng học thuộc cách chia tương lai của các động từ đã cho ngay tại lớp.	giáo khoa. - SV học thuộc thời tương lai của các động từ CB trong sách và đặt câu. - SV làm bài kiểm tra viết lấy điểm cuối HP2. - Bt về nhà: nghe bài 16 và viết 10 câu theo mẫu Я буду читать текст и прочитаю его (sử dụng cả động từ ở thời tương lai đơn và phức để chỉ hành động sẽ diễn ra và sẽ hoàn thành).	
2/12 5 tiết bài 13	- Danh từ, đại từ cách 3. - Danh từ, đại từ cách 3 chỉ người tiếp nhận hành động, trả lời câu hỏi кому? что? – кому? что делать? (bt 10-16)	- GV sửa bài về nhà. - Ôn danh từ cách 3 số ít. - GV giới thiệu ý nghĩa tiếp nhận hành động của cách 3 trả lời câu hỏi кому? - GV cho Bảng đại từ nhân xưng cách 3, hướng dẫn SV đổi danh từ sang cách 3 số ít, giới thiệu các động từ đòi hỏi cách 3 chỉ người tiếp nhận hành động và cách chia của chúng.	- SV ghi nhớ vĩ tố của danh từ cách 3, các động từ trong nhóm và cách chia. - SV đặt câu và làm bài tập. - Bt về nhà:Viết 10 câu với các động từ đòi hỏi cách 3 đã học.	7-16 /13
3/12 5 tiết bài 13	- Cấu trúc кому нравится что/ что делать (bt 17,18) - Cách nói tuổi (bt 19, 20) - Cấu кому надо, нужно что делать (bt 22-24)	- GV kiểm tra bài về nhà, ôn bài cũ. - Cho SV đặt câu, lưu ý cách sử dụng đại từ hoặc danh từ ở cách 3, trả lời câu hỏi кому? сколько лет? - Cho SV hội thoại, trả lời câu hỏi dạng Сколько тебе лет?	- SV đặt câu với cấu trúc кому нравится что/ что делать . SV đã học cấu trúc này, chỉ cần ôn lại, chú ý sử dụng cách 3 trả lời câu hỏi кому? và phân biệt với cấu trúc tương đương về nghĩa кто? любит что? - SV học cách nói tuổi, đặt câu theo cấu trúc кому? сколько лет? - Bt về nhà: Viết 15 câu theo 3 cấu trúc đã học, đọc hiểu	17-24 /13

			trước bài khoá “Книжная выставка”.	
1/13 5 tiết bài 13	- “Книжная выставка”. - Bài hội thoại 28.	- GV ôn bài cũ và kiểm tra bài tập về nhà. - Hướng dẫn SV làm việc với bài khoá “Книжная выставка”. - Cho nghe và trả lời câu hỏi bài hội thoại 28.	- SV đọc, dịch và trả lời câu hỏi bài khoá “Книжная выставка”. - SV nghe và trả lời câu hỏi bài hội thoại 28. - Bt về nhà:Viết bài kể bài hội thoại 28.	25-28 /13
2/13 5 tiết bài 14	- Câu phức với liên từ <i>когда</i> ở 2 dạng: + sử dụng động từ HCB biểu đạt hành động diễn ra song song. + sử dụng động từ CB diễn đạt hành động xảy ra kế tiếp nhau (bt 1, 2) - Danh từ cách 5 với giới từ <i>с</i> (bt 3,4,6,7,8)	- GV cho nghe phần фонетическая зарядка bài học 14. - Ôn lại 3 nghĩa của thể động từ đã học ở bài 11. - GV giới thiệu 1 nghĩa khác của thể động từ dùng trong câu phức với câu phụ chỉ thời gian: động từ chưa hoàn thành thể biểu đạt hành động diễn ra song song và động từ hoàn thành thể diễn đạt hành động xảy ra kế tiếp nhau. - Hướng dẫn SV đổi danh từ sang cách 5 số ít và dịch câu với các động từ có thể dùng với <i>с кем</i> .	- SV làm bài tập 1,2 để thực tập ý nghĩa này của thể động từ, sau đó viết lại 5 câu dùng động từ chưa hoàn và 5 câu dùng động từ hoàn thành thể. - SV tập đổi danh từ sang cách 5. - SV đặt câu với các động từ đòi hỏi câu hỏi <i>с кем</i> . - Bt về nhà:dịch bài 5, chú ý cách dùng <i>мы с другом</i> .	1-8/14
3/13 5 tiết bài 14	- Cách 5 sau động từ <i>быть, работать</i> (bt 10-13). - 2 động từ <i>заниматься чем?</i> và <i>играть на чём?</i> (bt 14)	- GV cho SV trả lời câu hỏi bài 5, ôn lại cách 5 và cho làm bài tập 9. - GV cho SV Bảng đại từ cách 5 với giới từ <i>с</i> , phân biệt cách 5 trả lời câu hỏi <i>с кем?</i> và cách 5 với <i>быть, работать кем?</i>	- SV đặt câu với động từ <i>быть</i> và <i>работать</i> và làm hội thoại (bt 10-13). - Bt về nhà:Viết bài kể về mình, gia đình và bạn bè dựa vào các câu hỏi gợi ý ở trang 331, 332.	9-14 /14
1/14 5 tiết bài 14	- Danh từ, đại từ cách 6 chỉ tính chất của đối tượng của lời nói với giới từ <i>о</i> . (bt 17-21) - Bài khoá 21 và bài nghe	- GV giới thiệu về danh từ cách 6 với giới từ <i>о</i> , trả lời câu hỏi <i>о ком-о чём?</i> , cho Bảng Đại từ nhân xưng cách 6 với giới	- SV ôn lại cách đổi danh từ sang cách 6, học thuộc đại từ nhân xưng cách 6 với giới từ <i>о</i> , đặt câu, làm bài tập 18,19. - Tập đọc và trả lời câu hỏi	17-23 /14

	23.	từ <i>o</i> . - Cho SV tập đọc và trả lời câu hỏi bài khoá 21.	bài khoá 21. - Bt về nhà: nghe bài 23 và trả lời câu hỏi.	
2/14 5 tiết bài 15	- Bài hội thoại 23 - Bài 15: ôn tập.	- Cho nghe và trả lời câu hỏi bài 23.GV cho SV ôn tập toàn bộ các kiến thức đã học dựa vào các bài tập thích hợp trong Bài 15.	SV ôn tập dưới sự hướng dẫn của GV.	Bài 15
3/14 5 tiết bài 15	Tập nói theo 6 chủ đề ở bài ôn	GV có thể cho SV làm việc theo nhóm, sau cùng, cho 1 em đứng trước lớp trả lời câu hỏi của các bạn.	Tập nói theo 6 chủ đề ở bài ôn	Bài 15

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 08 năm 2018

Người biên soạn

TS. Liêu Thị Hồng Phúc

ThS. Phan Ngọc Sơn

ThS. Lê Thị Đức Hải

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

TS. Nguyễn Vũ Hương Chi

TS. Nguyễn Thị Kiều Vy

Giảng viên phụ trách môn học:

STT	Giảng viên phụ trách môn học	STT	Giảng viên phụ trách môn học
1	ThS. Huỳnh Thị Kim Thoa Điện thoại: 0907-126-034 Email: htkimthoa@gmail.com	6	ThS. Phan Ngọc Sơn Điện thoại: 01265858669 Email: phan9son@gmail.com

2	ThS. Đỗ Thị Tuyết Nhung Điện thoại: 0913-133-531 Email: nhungtuyet64@yahoo.com	7	ThS. Lê Thị Đức Hải Điện thoại: 0981245538 Email: duchai1612@gmail.com
3	ThS. Trần Thị Thanh Trúc Điện thoại: 0937-172-886 Email: thanhtrucussh@gmail.com	8	ThS. Huỳnh Anh Khoa Điện thoại: 0933 058 684 Email: akhoa90ru@gmail.com
4	ThS. Trần Thị Thanh Huyền Điện thoại: 01203300644 Email: tkxd0122@gmail.com	9	TS. Nguyễn Thị Kiều Vy Điện thoại: 0909 687 604 Email: inhchieu@yahoo.com
5	TS. Liêu Thị Hồng Phúc Điện thoại: 0908856959 Email: lieuphuc114@gmail.com		